

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ ĐỒN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HSST

Ngày 22/7/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Cạn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nông Quang Mỹ.  
2. Ông Ma Đức Tuệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST - HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn M** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 02 năm 1972.

Nơi cư trú (Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay): Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T - đã chết và con bà: Nguyễn Thị X; vợ Nông Thị Thanh H và 01 con, sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 08/5/1992 bị Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Bắc Kạn) khởi tố, điều tra, truy tố về tội “Tàng trữ, sử dụng vũ khí trái phép” quy định tại Điều 95 Bộ luật hình sự năm 1985 theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 07, Quyết định khởi tố bị can số 12 và đã được đình chỉ điều tra theo Quyết định đình chỉ điều tra vụ án số 06 và Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 10 cùng ngày 10/7/1997.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/HSST/1995, ngày 03/5/1995 bị Tòa án nhân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Bắc Kạn) xử phạt 24 tháng tù về tội “*Hiếp dân*”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 92/HSST/1999, ngày 15/12/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn và tại bản án hình sự phúc thẩm số 441 ngày 24/3/2000 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội xử phạt y án 03 năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản của công dân*”, 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 10 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 03 tội là 17 năm tù, phạt quản chế 36 tháng sau khi mãn hạn tù tại nơi cư trú, phạt tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Đến ngày 03/11/2014 thì chấp hành án xong trở về địa phương và chấp hành 36 tháng quản chế tại nơi cư trú. Đã được xóa án tích các bản án này.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/02/2021. Hiện nay bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Chị Nông Thị Thanh H, sinh năm 1972. Có mặt.

Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

+ Anh Trần Việt H, sinh năm 1963. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 4, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

**- Người làm chứng:** Anh Vi Hiệp T (tên gọi khác: Vi Hiệp T1), sinh năm 1978. Có mặt.

Trú tại: Tổ H, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 03 giờ 00 phút ngày 01/02/2021, tại khu vực thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Chợ Đồn đang làm nhiệm vụ đã phát hiện và bắt quả tang Trần Văn M đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời điểm bắt quả tang thì Trần Văn M đang ngồi ghế phụ bên lái xe ô tô biển kiểm soát 18A - 026.26 do Vi Hiệp T điều khiển.

Tang vật thu giữ của Trần Văn M gồm: 03 gói giấy một mặt màu trắng, một mặt có nhiều màu sắc, cả 03 gói đều chứa cục và bột màu trắng tại túi áo trong bên trái áo khoác ngoài M đang mặc trên người. Tiến hành trích mẫu cục và bột màu trắng cho vào thuốc thử phát hiện nhanh các chất ma túy, kết quả thuốc thử phản ứng dương tính với ma túy loại Heroine (*được niêm phong vào phong bì ký hiệu M1*); 01 lọ nhựa màu trắng, trên vỏ lọ có dòng chữ “NƯỚC OXY GIÀ” (*được niêm phong vào phong bì ký hiệu M2*); 01 túi nilon màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ bên trong chứa 01 viên nén màu xanh một mặt có chữ “A”, một mặt có chữ “Y1” tại mặt sàn, dưới ghế lái xe ô tô biển kiểm soát 18A-026.26. Tiến hành trích mẫu

viên nén màu xanh cho vào thuốc thử phát hiện nhanh các chất ma túy, kết quả thuốc thử phản ứng dương tính với ma túy loại Methamphetamine (*được niêm phong vào phong bì ký hiệu M5*); Tạm giữ của Trần Văn M tổng số tiền 19.300.000đ (*mười chín triệu ba trăm nghìn đồng*) được thu giữ tại túi quần M đang mặc trên người (*được niêm phong vào 02 phong bì ký hiệu M3, M4*). Niêm phong và tạm giữ 01 xe ô tô biển kiểm soát 18A - 026.26. Không tạm giữ đồ vật, tài sản gì của Vi Hiệp T.

Hồi 06 giờ 30 phút ngày 01/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, công trình phụ cận đối với Trần Văn M ở Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Qua khám xét phát hiện và thu giữ: 01 ống nhựa màu cam được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa 01 viên nén hình tròn màu hồng phát hiện tại nền gạch hoa gần cửa buồng tắm trong phòng ngủ của Trần Văn M (*được niêm phong vào phong bì ký hiệu K1*); 01 túi nilon màu trắng loại túi kẹp díp có viền màu đỏ, bên trong có chứa 08 đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu, trong đó có 05 đoạn ống nhựa màu hồng và 03 đoạn ống nhựa màu trắng, bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều chứa 01 viên nén màu hồng, phát hiện tại túi áo ngực bên trái áo khoác màu nâu được treo trong tủ quần áo tại phòng ngủ của Trần Văn M (*được niêm phong vào phong bì ký hiệu K2*).

Hồi 10 giờ 20 phút ngày 01/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, địa điểm, phương tiện tại nhà ông Trần Việt H (*anh trai Trần Văn M và M thường xuyên qua lại*). Qua khám xét phát hiện và thu giữ 01 cân tiểu ly điện tử nhãn hiệu POCKET SCALE màu đen, đã qua sử dụng.

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 01/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tiến hành mở niêm phong và kiểm tra chiếc xe ô tô biển kiểm soát 18A-026.26. Qua kiểm tra không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến ma túy.

Tại biên bản mở niêm phong và cân xác định khối lượng hồi 14 giờ 45 phút ngày 01/02/2021 xác định: Cân riêng chất cục và bột màu trắng trong 03 gói niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 có tổng khối lượng 0,82g (*không thấy tám hai gam*), trong đó gói thứ nhất và gói thứ hai đều có khối lượng 0,28g (*không thấy hai tám gam*), gói thứ ba có khối lượng 0,26g (*không thấy hai sáu gam*) và được niêm phong trong 01 phong bì mới gửi giám định ký hiệu T1; Cân riêng 01 viên nén màu xanh niêm phong vào phong bì ký hiệu M5 có khối lượng 0,11g (*không thấy một một gam*) niêm phong trong 01 phong bì mới gửi giám định ký hiệu T2; Cân riêng 01 viên nén hình tròn màu hồng niêm phong vào phong bì ký hiệu K1 có khối lượng 0,10g (*không thấy một không gam*) niêm phong trong 01 phong bì mới gửi giám định ký hiệu T4; Cân riêng 08 viên nén hình tròn màu hồng niêm phong vào phong bì ký hiệu K2 có tổng khối lượng 0,83g (*không thấy tám ba gam*) niêm phong trong 01 phong bì mới gửi giám định ký hiệu T5.

Tại Kết luận giám định số 54/KTHS-MT ngày 05/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “*Mẫu chất màu trắng dạng cục và*

bột trong phong bì ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng khối lượng 0,82g (không thấy tám hai gam); Không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp trong mẫu viên nén màu xanh trong phong bì ký hiệu T2 gửi giám định; 01 (một) viên nén màu hồng trong phong bì ký hiệu T4 gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine, có khối lượng 0,10g (không thấy một không gam); 08 (tám) viên nén màu hồng trong phong bì ký hiệu T5 gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine, có khối lượng 0,83g (không thấy tám ba gam)”.

Tại Kết luận giám định số 1111/C09-TT2 ngày 26/02/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “*Chất lỏng màu đỏ trong phong bì ký hiệu M2 gửi giám định là dung dịch Methadone, thể tích 49ml, nồng độ 9,09mg/ml*”.

Sau khi bị bắt và đến ngày bị khởi tố (ngày 06/02/2021) Trần Văn M khai nhận: 03 gói ma túy heroine và 01 lọ Methadone mà Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang là do M mua về để sử dụng cá nhân. Cụ thể, khoảng 08 giờ ngày 31/01/2021, M nhờ Vi Hiệp T điều khiển xe ô tô ISUZU biển kiểm soát 18A - 026.26 của M để đưa M xuống tỉnh Thái Nguyên chơi. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày khi M và T xuống đến khu vực đường tròn Tthuộc phường Tân Long, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thì M bảo T dừng xe rồi M xuống xe gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ họ tên, địa chỉ) làm nghề lái xe ôm thì M hỏi mua ma túy Heroine và thuốc cai nghiện ma túy (Methadone) rồi đưa cho người đàn ông đó số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và sau đó được người đàn ông trên bảo chờ, còn người đàn ông đó đi đâu làm gì thì M không biết. Sau đó M quay lại xe và bảo T lái xe ô tô đi tìm và thuê 01 phòng nghỉ gần đường tròn Tđể T nghỉ, còn M ngồi trong xe ô tô đợi người đàn ông M nhờ mua ma túy. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì người đàn ông trên quay lại đưa cho M 03 gói ma túy Heroine và 01 lọ thuốc Methadone. Sau khi mua được ma túy thì M đã sử dụng 01 phần ma túy heroine mua được bằng hình thức đốt hít trong xe ô tô của M, sử dụng ma túy xong thì M gọi T điều khiển xe đi về nhà. Đến 03 giờ 00 phút ngày 01/02/2021, khi đi về đến khu vực thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị Cơ quan Công an phát hiện và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy trên. Quá trình đi và về M không được bàn bạc, thỏa thuận, nói gì với T về việc M mua, tàng trữ ma túy và T cũng không biết rõ việc M mua ma túy.

Đối với 09 (chín) viên ma túy màu hồng thu giữ khi khám xét là của M và do M mua về trước đó để sử dụng cá nhân với số tiền mỗi viên là 100.000đ (một trăm nghìn đồng) của 01 người đàn ông lạ mặt tại khu vực đường tròn T thuộc thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian mua vào khoảng đầu tháng 01 năm 2021. Đối với 01 viên nén màu xanh thu giữ trong xe ô tô của M thì M không biết đó là chất gì, của ai.

Từ ngày 05/4/2021 đến giai đoạn truy tố Trần Văn M thay đổi lời khai và khai nhận: Toàn bộ số ma túy Heroine và Methadone thu giữ khi bắt quả tang và 09 viên ma túy Methamphetamine thu giữ ở nhà khi khám xét là của M mua về vào ngày 29/01/2021 để sử dụng cá nhân, cụ thể: Sáng ngày 29/01/2021, M điều khiển

xe ô tô biển kiểm soát 18A - 026.26 của M chở khách đi xuống thành phố T, tỉnh Thái Nguyên rồi sau đó quay về. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày khi quay về đến khu vực đường tròn T thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thì M gặp và mua 03 gói ma túy heroine, 01 lọ thuốc Methadone và 09 viên ma túy tổng hợp với số tiền 1.900.000đ (*một triệu chín trăm nghìn đồng*) của một người đàn ông khoảng 40 tuổi làm nghề lái xe ôm (*không rõ tên tuổi, địa chỉ*) rồi đi về nhà ở của mình. Sau khi về nhà M cất 08 viên ma túy tổng hợp vào túi áo để trong tủ phòng ngủ của M và làm rơi 01 viên ma túy tổng hợp ra nền nhà phòng ngủ của M. Đối với 03 gói ma túy heroine, 01 lọ thuốc Methadone M để nguyên tại túi áo khoác đang mặc. Sau đó M đã sử dụng 01 phần thuốc Methadone. Đến khoảng 08 giờ ngày 31/01/2021, M mang theo 03 gói ma túy heroine, 01 lọ thuốc Methadone để trong túi áo khoác M đang mặc rồi nhờ Vi Hiệp T điều khiển xe ô tô ISUZU biển kiểm soát 18A - 026.26 của M để đưa M xuống thành phố T, tỉnh Thái Nguyên chơi và sau đó quay về nhà. Đến 03 giờ 00 phút ngày 01/02/2021, khi đi về đến khu vực thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị Cơ quan Công an phát hiện và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy M mang theo và bị thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại mà M đang cất giấu ở nhà khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn tiến hành khám xét khẩn cấp vào ngày 01/02/2021. Quá trình đi và về M không nói cho T biết việc M đang tàng trữ ma túy trên người.

Ngoài ra M còn khai nhận lý do M thay đổi lời khai là do thời điểm bị bắt M vật ma túy, đầu óc không được tỉnh táo nên khai báo không được chính xác.

Vi Hiệp T khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 31/01/2021, anh được Trần Văn M thuê lái xe ô tô biển kiểm soát 18A - 026.26 của M để chở M đi xuống thành phố T, tỉnh Thái Nguyên với số tiền công là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Khi đến khu vực đường tròn Tt huộc thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thì dừng và thuê 02 phòng ở 01 nhà nghỉ để nghỉ, sau đó T vào nghỉ ở 01 phòng, còn M có vào phòng nghỉ hay đi đâu làm gì thì T không rõ. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày thì M gọi T điều khiển xe để đưa M về nhà. Khi đi đến khu vực đường thuộc thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì M bị Cơ quan Công an bắt quả tang và thu giữ 03 gói ma túy và 01 lọ thuốc cai nghiện. Quá trình đi cùng nhau thì T không thấy M gặp gỡ ai hay mua ma túy với ai và bản thân anh cũng không biết việc M đang tàng trữ ma túy trên người. Chỉ đến khi M bị cơ quan Công an bắt quả tang thì T mới biết M đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên người.

Trong quá trình điều tra, truy tố Trần Văn M đều thừa nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang và khi khám xét là của M mua về để sử dụng cho bản thân. Tuy nhiên sau đó trong quá trình điều tra, truy tố M thay đổi lời khai về nguồn gốc, thời gian mua số ma túy thu giữ trên người khi bắt quả tang và thu giữ khi khám xét có sự khác nhau. Đến thời điểm kết thúc điều tra và truy tố M chỉ thừa nhận nguồn gốc toàn bộ số ma túy bị thu giữ là do M mua cùng một lúc vào ngày 29/01/2021. Do đó chưa đủ căn cứ để kết thúc điều tra, truy tố đối với Trần Văn M về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ

luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt đó là “*Phạm tội 02 lần trở lên*”.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKSCĐ ngày 10/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thực hành quyền công tố tại phiên tòa đọc bản luận tội và đề nghị: Giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng. Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35, 38 Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt chính bị cáo Trần Văn M từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 01/02/2021. Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bị cáo từ 7.000.000đ đến 10.000.000đ, để sung quỹ nhà nước.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị.

Toàn bộ số ma túy đã thu giữ của bị cáo sau khi giám định còn lại là vật cấm lưu hành tịch thu tiêu hủy cùng các vỏ phong bì đóng gói mở niêm phong không có giá trị tịch thu tiêu hủy.

01 cân tiểu ly điện tử đã cũ đã qua sử dụng là tài sản chung của vợ chồng. Nhưng tại phiên tòa bị cáo và chị Nông Thị Thanh H không yêu cầu trả lại tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 19.300.000đ, là tài sản chung của vợ chồng. Tạm giữ 9.650.000đ, để thi hành án cho bị cáo; trả lại cho chị Nông Thị Thanh H 9.650.000đ.

Tịch thu đối với 01(một) xe ô tô ISIZU màu trắng, BKS 18A-026.26, xe cũ đã qua sử dụng để hóa giá sung vào ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị (phần giá trị thuộc quyền sở hữu của bị cáo). Trả lại cho chị Nông Thị Thanh H (vợ bị cáo)  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe thuộc phần sở hữu của chị H. Tạm giữ 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS 18A-026.26 để đảm bảo việc thi hành án đối với chiếc xe trên

Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Trần Văn M tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo không có ý kiến đối với hình phạt, 01 cân tiểu ly điện tử, số tiền 19.300.000đ. Bị cáo chỉ có ý kiến, việc Kiểm sát viên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị của chiếc xe ô tô phần sở hữu của bị cáo là không đúng vì bị cáo không được tạo lập đóng góp tiền mua xe ô tô, tiền mua xe ô tô là của vợ bị cáo, nên bị cáo không có phần sở hữu  $\frac{1}{2}$  giá trị của chiếc xe ô tô, xin được đề nghị trả toàn bộ chiếc xe ô tô cho vợ bị cáo. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tranh luận lại đối với chiếc xe ô tô và giữ nguyên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị của chiếc xe ô tô phần sở hữu của bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Chị Nông Thị Thanh H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tranh luận tại phiên tòa: Chị H không có ý kiến đối với 01 căn tiểu ly điện tử, số tiền 19.300.000đ. Chị H có ý kiến là đề nghị cho chị được xin trả lại toàn bộ chiếc xe ô tô vì bị cáo chồng chị không có công sức đóng góp tiền mua xe ô tô, nguồn tiền mua xe ô tô là của chị đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2008 đến 2015. Sau khi chị ở Hàn Quốc về đến ngày 16/5/2016 thì mua xe ô tô với ông Nông Mạnh C giấy mua bán xe đứng tên chị và khi mua xe bị cáo không biết. Mục đích mua xe ô tô là để sử dụng chung.

Anh Vi Hiệp T ( tức Vi Hiệp T1) người làm chứng tranh luận tại phiên tòa: Anh Vi Hiệp T không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo có hành vi tàng trữ ma túy trái phép là sai là vi phạm pháp luật bị cáo tự chịu trước pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vắng mặt người cơ quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Trần Việt H. Tuy nhiên, bị cáo, người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên không đề nghị hoãn phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Việt H theo thủ tục chung.

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Phù hợp với kết luận giám định, vật chứng, biên bản khám xét và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở khẳng định “Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 29/01/2021, tại khu vực đường tròn T thuộc thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Trần Văn M, sinh năm 1972 trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn có hành vi mua trái phép 03 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,82g (*không phải tám hai gam*); 09 viên ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 0,93g (*không phải chín ba gam*) và 01 lọ dung dịch Methadone, thể tích 49ml, nồng độ 9,09mg/ml với mục đích sử dụng cho cá nhân. Sau đó M đã sử dụng đi 01 phần dung dịch

Methadone. Đến ngày 31/01/2021 khi M đang mang theo trên người 03 gói ma túy Heroine có khối lượng 0,82g (*không thấy tám hai gam*) và 01 lọ dung dịch Methadone, thể tích 49ml, nồng độ 9,09mg/ml đi thành phố T, tỉnh Thái Nguyên chơi và quay về nhà. Đến 03 giờ 00 phút ngày 01/02/2021, khi M đi về đến khu vực thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy M mang theo và quá trình khám xét khẩn cấp đã thu giữ 09 viên ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 0,93g (*Không thấy chín ba gam*) khi M cất giấu tại nhà ở của mình”.

Bị cáo Trần Văn M tàng trữ trái phép 03 chất ma túy gồm 0,82g (*không thấy tám hai gam*) Heroine, 0,93g (*không thấy chín ba gam*) Methamphetamine và 49ml (*bốn mươi chín mililit*) nồng độ 9,09mg/ml Methadone đều đủ khối lượng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c, h khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng, thể tích 03 chất ma túy mà Trần Văn M tàng trữ là 84% (*tám mươi tư phần trăm*) theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015. Nên hành vi của Trần Văn M đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an ở địa phương và phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn M đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

c) Heroine...Methamphetamine...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

h) Các chất ma túy khác ở thể lỏng có thể tích từ 10 mililit đến dưới 100 mililit;

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3]. Xét nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:



Về nhân thân: Bị cáo không có tiền sự, tiền án nhưng có lịch sử là năm 1992 bị khởi tố, điều tra, truy tố sau đó được đình chỉ điều tra vào năm 1997 về hành vi “Tàng trữ, sử dụng vũ khí trái phép”, năm 1995 bị xét xử về tội “Hiếp dâm”, năm 1999 bị xét xử về các tội “Cưỡng đoạt tài sản của công dân”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp có lịch sử nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là phù hợp.

[ 5]. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tiền án tiền sự nhưng không được coi là bị cáo có nhân thân tốt, khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần áp dụng mức hình phạt tù để bị cáo tập trung cải tạo một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy bị cáo có sở hữu tài sản là nhà ở, đất đai và xe ô tô, đủ điều kiện thi hành hình phạt bổ sung nên phạt bổ sung bị cáo là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[7]. Về vật chứng:

Đối với số ma túy đã thu giữ của bị cáo sau khi giám định còn lại là vật cấm lưu hành cần được tịch thu tiêu hủy và các vỏ phong bì có liên quan đến việc đóng gói mở niêm phong phong bì không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cân tiểu ly điện tử nhãn hiệu POCKET SCALE, đã qua sử dụng. Tại phiên tòa bị cáo và chị H không yêu cầu trả lại cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe ô tô ISIZU màu trắng, biển kiểm soát 18A-026.26, có số máy BT7690, số khung RLETBR54F4V943324, xe đã qua sử dụng. Là tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp nhưng do bị cáo ngày 29/01/2021 có sử dụng chiếc xe liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy. Bị cáo và chị H kết hôn từ năm 1992, sau khi kết hôn quá trình chung sống trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng tính đến ngày 16/5/2016 mua được chiếc xe ô tô là 24 năm.

Trong thời gian này thấy bị cáo năm 1995 -1996 đi chấp hành án và từ năm 1999 đến năm 2014 đi chấp hành án. Đến ngày 03/11/2014 bị cáo chấp hành án song trở về địa phương và gia đình. Thấy chị Nông Thị Thanh H năm 2008 đến năm 2015 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 2015 sau chị H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc trở về đến ngày 16/5/2016 chị H mua xe ô tô trước đó bị cáo M đi chấp hành án buộc phải cách ly xã hội và gia đình là 16 năm nên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo M khai không được đóng góp tiền để mua chiếc xe ô tô. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị H khai nguồn tiền mua xe ô tô với anh Nông Mạnh C vào ngày 16/5/2016 là của chị đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc có được, mặt khác bị cáo và chị H đều khai khi mua xe ô tô không vay ai, như vậy chị H khai nguồn tiền có được để mua xe ô tô là do đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc là có cơ sở. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng do đó cần tịch thu 01 xe ô tô ISIZU màu trắng, biển kiểm soát 18A-026.26, có số máy BT7690, số khung RLETBR54F4V943324, xe đã qua sử dụng. Để hóa giá sung vào công quỹ nhà nước 1/3 giá trị (phần giá trị thuộc sở hữu của bị cáo). Trả lại cho chị Nông Thị Thanh H (vợ bị cáo) 2/3 giá trị chiếc xe thuộc sở hữu của chị H.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005842 mang tên Trần Cao C cấp ngày 03/9/2013. Là giấy đăng ký của chiếc xe ô tô ISIZU màu trắng, biển kiểm soát 18A-026.26. Cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án (Trong quá trình thi hành án nếu bị cáo hoặc vợ bị cáo tự nguyện thi hành án 1/3 giá trị phần chiếc xe bị tịch thu thì trả lại cho họ để đảm bảo quyền sở hữu và lưu hành xe).

- Đối với số tiền 19.300.000đ (mười chín triệu ba trăm nghìn đồng) là tài sản chung của vợ chồng không liên quan đến hành vi tàng trữ ma túy trái phép của bị cáo cần tạm giữ 1/2 thuộc phần sở hữu của bị cáo và trả lại 1/2 thuộc phần sở hữu của chị H được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu K1 đã được niêm phong kín bên trong đựng số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) cùng vỏ phong bì ký hiệu M3 đã mở niêm phong và 01 phong bì ký hiệu K2 đã được niêm phong kín bên trong đựng số tiền 9.300.000đ (*chín triệu ba trăm nghìn đồng*) cùng vỏ phong bì ký hiệu M4 đã được mở niêm phong. Cụ thể là tiếp tục tạm giữ 9.650.000đ, để đảm bảo công tác thi hành án cho bị cáo và trả lại 9.650.000đ, cho chị Nông Thị Thanh H.

[8]. Đối với người đàn ông khoảng 40 tuổi (*không rõ họ tên, địa chỉ*) theo lời khai của Trần Văn M là người đã bán ma túy (*heroine, methamphetamine, methadone*) tại khu vực đường tròn T thuộc thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Kết thúc điều tra và tại phiên tòa Trần Văn M không cung cấp được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ xử lý.

[9]. Đối với Vi Hiệp T (*tên gọi khác Vi Hiệp T1*) là người được Trần Văn M thuê lái chiếc xe ô tô biển kiểm soát 18A - 026.26 để chở M đi xuống thành phố T, tỉnh Thái Nguyên chơi vào ngày 31/01/2021 đến lúc bị bắt quả tang. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định T không biết việc M đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Chỉ đến khi M bị cơ quan Công an bắt quả tang thì T mới biết M đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trên người và bị cơ quan Công an huyện Chợ Đồn thu giữ ma túy. Nên không xem xét, xử lý đối với Vi Hiệp T là phù hợp.

[10]. Đối với chị Nông Thị Thanh H (*vợ bị cáo Trần Văn M*) là người đồng sở hữu chiếc xe ô tô biển kiểm soát 18A - 026.26. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định ngày 29/01/2021 khi bị cáo M sử dụng xe đi chở khách, sau đó mua ma túy về sử dụng cá nhân và ngày 31/01/2021, M tiếp tục sử dụng xe và mang theo ma túy đi thành phố T, tỉnh Thái Nguyên chơi thì chị H không biết, nên không xem xét, xử lý chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

[2]. Căn cứ điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249; Điều 35, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn M 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 01/02/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để sung quỹ nhà nước. Việc thi hành án khoản tiền phạt bổ sung được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3]. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy là vật cấm lưu hành và các vỏ phong bì không có giá trị sử dụng. Cụ thể: 01 (một) phong bì đã được niêm phong dán kín ký hiệu T54 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn sau khi giám định hoàn trả lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, mặt trước phong bì có ghi "Vụ: Tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 01/02/2021 tại thôn T, B - C - Bắc Kạn", trên mặt niêm phong của phong bì có 02 (hai) hình dấu tròn màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn và 04 (bốn) chữ ký không đọc được. (*bên trong phong bì có chứa 0,71 g ma túy loại heroine, 0,06 g mẫu viên nén màu xanh, 0,83 g ma túy loại methamphetamine cùng phong bì và bao gói cũ niêm phong ban đầu ký hiệu T1, T2, T4 và T5*). 01 (một) phong bì đã được niêm phong dán kín ký hiệu T3, mặt trước phong bì có ghi "Vỏ phong bì và bao gói ban đầu thu trong quá trình bắt quả tang 01/02/2021", trên mặt niêm phong của phong bì có 03 (ba) hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, 01 (một) dòng chữ Đoàn Văn Đ, 01 (một) dòng chữ Trần Văn M, 01 (một) dòng chữ "Khương Danh T", 01 (một) dòng chữ "Vi Hiệp T1", 01 (một) chữ ký "M" và 05

(năm) chữ ký không đọc được. (bên trong chứa hai vỏ phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu M1, M5 và 03 (ba) gói giấy một mặt có nhiều màu sắc, một mặt màu trắng, túi nilon trong suốt miệng túi có viền màu đỏ ban đầu). 01 (một) phong bì đã được niêm phong dán kín ký hiệu T6, mặt trước phong bì có ghi "Vỏ phong bì và bao gói ban đầu khi khám xét 01/02/2021", trên mặt niêm phong của phong bì có 03 (ba) hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, 01 (một) dòng chữ "Đoàn Việt Đ", 01 (một) dòng chữ "Trần Văn M", 01 (một) dòng chữ "Khương Danh T", 01 (một) chữ ký "M" và 04 (bốn) chữ không đọc được. (bên trong chứa vỏ phong bì niêm phong ký hiệu K1, K2 và ống nhựa màu cam; túi ni lon màu trắng loại túi kẹp díp có viền màu đỏ; 08 (tám) đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu ban đầu). 01 (một) phong bì đã được niêm phong kín ký hiệu K10, mặt trước phong bì có ghi "Giấy niêm phong xe của Trần Văn M ngày 01/02/2021", trên mặt niêm phong của phong bì có 03 (ba) hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, 01 (một) dòng chữ "Đoàn Văn Đ", 01 (một) dòng chữ "Trần Văn M", 01 (một) dòng chữ "Khương Danh T", 01 (một) dòng chữ "Vy Hiệp T", 01 (một) chữ ký "M" và 05 (năm) chữ ký không đọc được. (bên trong chứa giấy niêm phong xe ban đầu). 01 (một) phong bì đã được niêm phong dán kín của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an sau khi giám định hoàn trả lại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, mặt trước phong bì có các chữ "BỘ CÔNG AN", "**VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ**", "Số: 1111/C09-TT2" và "Kính gửi: Cơ quan CSĐT – Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn", trên mặt niêm phong của phong bì có 06 (sáu) hình dấu tròn màu đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, có các dòng chữ "Văn Tiến B", "Hà Hoàng L", "Mẫu vật hoàn trả sau giám định" và 05 (năm) chữ ký không đọc được. (bên trong phong bì chứa phong bì ký hiệu M2 và lọ nhựa màu trắng, trên vỏ lọ nhựa có dòng chữ "NƯỚC ÔXY GIÀ", nắp lọ màu trắng bên trong chứa dung dịch màu đỏ)

- Tịch thu tiêu hủy 01 cân tiêu ly điện tử nhãn hiệu POCKET SCALE, đã qua sử dụng.

- Tịch thu 01 xe ô tô ISIZU màu trắng, biển kiểm soát 18A-026.26, có số máy BT7690, số khung RLETBR54F4V943324, xe đã qua sử dụng. Để hóa giá sung vào công quỹ nhà nước 1/3 giá trị ( phần giá trị thuộc sở hữu của bị bị cáo). Trả lại cho chị Nông Thị Thanh H (vợ bị cáo) 2/3 giá trị chiếc xe thuộc sở hữu của chị H. Tạm giữ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005842 mang tên Trần Cao C cấp ngày 03/9/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án hóa giá sung ngân sách nhà nước 1/3 giá trị chiếc xe ô tô Biển kiểm sát 18A-026.26.

- Đối với số tiền 19.300.000đ (mười chín triệu ba trăm nghìn đồng) là tài sản chung của vợ chồng trong đó. Có 9.650.000đ, (Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) phần sở hữu của bị cáo tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Có

9.650.000đ, (Chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) phần sở hữu của chị H cần được trả lại cho chị Nông Thị Thanh H. Được niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu K1 đã được niêm phong kín bên trong đựng số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) cùng vỏ phong bì ký hiệu M3 đã mở niêm phong và 01 phong bì ký hiệu K2 đã được niêm phong kín bên trong đựng số tiền 9.300.000đ (*chín triệu ba trăm nghìn đồng*) cùng vỏ phong bì ký hiệu M4 đã được mở niêm phong. Hiện đang gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Vỏ phong bì không có giá trị được tịch thu tiêu hủy.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Đồn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn ngày 16 tháng 6 năm 2021)*

[4]. Án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”*

[5]. Xử án công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Cận**